

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN TỔ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng 9 năm 2025 của Trường TH Hưng Lộc)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Bí Thư chi bộ, Hiệu trưởng	Tổ trưởng	
2	Nguyễn Thị Thành Vinh	P.Bí Thư CB; P.Hiệu trưởng	Tổ phó	
3	Trần Thị Mai Hiền	P.Hiệu trưởng	Tổ phó	
4	Nguyễn Thị Nhật Hằng	GV, Thư ký hội đồng	Thư ký	
5	Đậu Thị Lê	GV, Tổ trưởng Tổ 4+5, TBTTND	Ủy viên	
6	Trần Thị Phương Lan	GV, Tổ trưởng CM Tổ 1+2+3	Ủy viên	
7	Nguyễn Thị Hương	GV, Tổ phó CM Tổ 1+2+3	Ủy viên	
8	Nguyễn Đình Thông	Kế toán	Ủy viên	
9	Phạm Thanh Huyền	GV, Tổ Phó CM Tổ 1+2+3	Ủy viên	
10	Hà Thị Duyên	GV, Tổ Phó CM Tổ 4,5	Ủy viên	

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hiền

Số: 102/KH-TH HL

Vinh Lộc, ngày 03 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH

Đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2025 - 2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Mục đích

Kế hoạch ĐBCL năm học 2025 - 2026 giúp Hiệu trưởng tổ chức huy động các nguồn lực (*nhân lực, tài lực, vật lực,..vv*) để thực hiện một cách có hệ thống các nhiệm vụ trong năm học, với mục tiêu, cách thức, trình tự, thời gian tiến hành nhằm ĐBCL giáo dục bền vững và tăng trưởng, góp phần xây dựng văn hóa chất lượng của nhà trường.

Kế hoạch ĐBCL năm học 2025 - 2026 nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện thành công chương trình GDPT 2018, xây dựng cơ sở giáo dục vững mạnh đạt chuẩn quốc gia, hội nhập khu vực và quốc tế; chuẩn bị nền tảng kiến thức vững chắc, toàn diện, các giá trị sống, kỹ năng mềm và kỹ năng toàn cầu cho học sinh.

2. Yêu cầu

- Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đồng thuận, thân thiện; phát huy hiệu quả năng lực trách nhiệm của đội ngũ CB,GV,NV; phối hợp các lực lượng giáo dục trên địa bàn; khai thác tối đa CSVC, trang thiết bị dạy học, giáo dục; bổ sung các nguồn lực đầu tư để ĐBCL bền vững và tăng trưởng.

- Kế hoạch thực hiện đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, dễ thực hiện, thuận tiện trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá và cải tiến chất lượng. Bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời.

- Xác định rõ trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; đảm bảo đầy đủ nguồn lực để thực hiện Kế hoạch đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả và khả thi.

3. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Thông tư số 32/2018/TT - BGDDT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp Tiểu học.

Công văn số 1511/SGD&ĐT- GDTH - KHTC ngày 03/8/2021 của Sở GD&ĐT Nghệ An về việc về việc xây dựng kế hoạch giáo dục;

Công văn 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành khung thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Công văn số 2386/SGDĐT - GDTH ngày 21/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTH năm học 2025 – 2026;

Báo cáo số 210/BC-UBND ngày 04/8/2025 của UBND Phường Vinh Lộc về tổng kết năm học 2024 - 2025, phương hướng nhiệm vụ năm học 2025 - 2026.

- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về **“Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”**;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Phường Vinh Lộc, khóa XXIV, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

II. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Đảm bảo các yếu tố bối cảnh

Phường Vinh Lộc nằm ở phía Đông của tỉnh Nghệ An, có đường biên giới ven biển, ranh giới hành chính tiếp giáp: Phía Bắc giáp phường Cửa Lò và xã Đông Lộc; phía Nam giáp phường Trường Vinh, phía Đông giáp xã Đan Hải, tỉnh Hà Tĩnh; phía Tây giáp phường Vinh Phú. Tổng số diện tích tự nhiên là 38,86 km²;

Vinh Lộc là phường có dân cư chủ yếu là thuần nông. Dân cư hiện nay có hơn 62.037 người, có 17 trường học đóng trên địa bàn phường.

Kinh tế của toàn phường có nhiều bước phát triển với nhiều ngành nghề (công nghiệp, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ,...) đã tạo điều kiện cho văn hóa xã hội phát triển. Nhân dân trong phường đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục. Đảng bộ và nhân dân trong phường đã quan tâm đầu tư cho giáo dục về cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên là phường có nhiều khối thuần nông, điều kiện kinh tế còn gặp khó khăn, nhiều gia đình không có điều kiện chăm sóc con cái.

1.1. Phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền các cấp

Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương, với CMHS để xây dựng môi trường GD nhà trường - gia đình - xã hội thân thiện, an toàn, lành mạnh, đạt các tiêu chuẩn 3, tiêu chuẩn 4 và 5 trong Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Nhà trường tổ chức ký kết Chương trình phối hợp công tác hàng năm với các tổ chức, đoàn thể địa phương (*với MTTQ, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội cựu giáo chức, Công an phường, Ban Đại diện CMHS...*) để bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; cùng chăm lo giáo dục, rèn luyện học sinh.

Phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền các cấp để thông báo, tuyên truyền, phổ biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, phong tục tập quán, xu hướng phát triển nghề nghiệp của địa phương và trong cả nước nhằm hình thành phẩm chất, năng lực học sinh, thông qua:

- Hoạt động giáo dục của địa phương: Đảng ủy, UBND phường Vinh Lộc chỉ đạo các trường thực hiện tốt công tác dạy và học năm học 2025- 2026; Quan tâm đầu tư, sửa chữa, nâng cấp một số cơ sở vật chất phục vụ cho năm học mới. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn của đất nước và các văn bản pháp luật, các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương. Triển khai các hoạt động quản lý văn hoá, đời sống văn hóa như: Làm tốt công tác tuyên truyền, ưu tiên thời lượng, tin bài thông tin về diễn biến và tuyên truyền các biện pháp phòng, chống dịch bệnh như: Cúm A, Sởi, Đậu mùa,... nhằm cung cấp thông tin, nâng cao ý thức cảnh giác của người dân;

- Hoạt động trải nghiệm ở địa phương: Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương như Đoàn thanh niên, Hội nông dân,... tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh. (Vệ sinh Đài tưởng niệm liệt sĩ, khu di tích Lịch sử Đền Trìa, tham quan các khu vườn trồng rau sạch,...).

- Thực hiện lồng ghép các nội dung giáo dục vào các môn học như: Giáo dục ANQP, ATGT, STEM, môi trường,..vv.

- Chào cờ, sinh hoạt đầu tuần;

- Các phương tiện truyền thông, thông tin: Chủ động xây dựng nội dung, kế hoạch truyền thông của trường. Trong năm học, Ban giám hiệu tăng cường thông tin với chính quyền, tuyên truyền tới nhân dân địa phương, các bậc phụ huynh và cộng đồng về những đổi mới của Ngành Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là việc triển khai áp dụng Chương trình và sách giáo khoa GDPT mới 2018.

1.2. Xây dựng chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh địa phương, bảo đảm tính dân chủ, tính tập thể đối với học sinh thông qua hệ thống nội quy, quy chế của nhà trường, quy chế thực hiện dân chủ cơ sở và việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, của người dạy và người học.

Các nội quy, quy chế bao gồm:

- Quy chế phối hợp giữa: Các tổ chức chính trị - xã hội với Nhà trường; Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh với Nhà trường;

- Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở.

- Quy chế thi đua khen thưởng

- Quy chế chi tiêu nội bộ

- Quy chế chuyên môn

Xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường bảo đảm yêu cầu phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, kết hợp những nét đặc trưng của phong tục tập quán cũng như truyền thống địa phương. Bảo đảm sự hài hòa giữa chương trình chung và chương trình giáo dục địa phương. Chọn lọc các nội dung để xây dựng chương trình giáo dục nhà trường vừa góp phần hình thành phẩm chất, năng lực theo quy định chung vừa góp phần phát huy bản sắc văn hóa riêng của địa phương.

1.3. Xây dựng văn hóa nhà trường.

Xây dựng môi trường làm việc, học tập theo hướng thân thiện, gần gũi, hiệu quả, đổi mới phân cấp mạnh mẽ, đồng thời gắn với việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao cho tổ chuyên môn, cho GV trong việc ĐBCL dạy học một cách phù hợp. Xây dựng phong trào thầy và trò tích cực thi đua “Dạy tốt và Học tốt” trong nhà trường một cách thiết thực, hiệu quả. Phấn đấu xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường.

- Xây dựng văn hóa nhà trường nhằm tạo nên một môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn góp phần xây dựng một môi trường giáo dục chuẩn mực theo quy định, bao gồm:

- Xây dựng Bộ nội quy, quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường.

- Thực hiện tốt Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở.

- Thành lập Tổ tư vấn tâm lý học đường.

- Tổ chức xây dựng, tuyên dương và nhân rộng các tấm gương, mô hình tiên tiến; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế, quy tắc ứng xử văn hóa của nhà trường để định hướng, điều chỉnh quá trình xây dựng và phát triển mô hình văn hóa của nhà trường.

- Định kỳ trao đổi tổng kết kinh nghiệm về xây dựng mô hình văn hóa nhà trường; hướng dẫn hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhà trường và giữa các trường với nhau để học tập những mô hình tốt, bổ sung hoàn thiện những tiêu chuẩn, tiêu chí một cách cụ thể, nhằm ngày càng hoàn thiện hơn mô hình văn hóa nhà trường.

Xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1.4. Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn kinh phí hằng năm.

Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tính minh bạch và dân chủ; xây dựng kế hoạch phân bổ nguồn kinh phí hằng năm cho các hoạt động đảm bảo hợp lý, hiệu quả, thông qua Hội nghị viên chức đơn vị.

Tập trung đảm bảo nguồn kinh phí hợp lý đầu tư trang thiết bị dạy học cần thiết và các hoạt động chuyên môn, dạy và học như: Tổ chức bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, các câu lạc bộ, các hoạt động ngoài giờ chính khóa, các hoạt động trải nghiệm, khen thưởng học sinh có thành tích,... (*Phụ lục 11*)

1.5. Phát huy cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường, địa phương trong giáo dục thiếu niên, nhi đồng.

Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho GV và học sinh nhân các ngày lễ lớn nhằm góp phần tạo môi trường tích cực cho những hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp nhằm hình thành năng lực, phẩm chất người học.

Các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng kế hoạch, chương trình công tác, chương trình phối hợp với địa phương nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho GV, học sinh trong hoạt động:

- Động viên, thăm hỏi, hỗ trợ, tặng quà cho các GV, học sinh có hoàn cảnh khó khăn;

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa;

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề, giáo dục về các chính sách, pháp luật, giới tính, sức khỏe sinh sản,...như: Phòng chống tai nạn thương tích và đuối nước, phòng chống bạo lực học đường, Tham gia giao thông an toàn,...

- Tổ chức các hội thi về kiến thức, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho GV và học sinh như: Tìm hiểu về các ngày truyền thống, các danh nhân văn hóa, anh hùng. Di tích lịch sử, Hội khỏe Phù Đổng trường và tham gia hội khỏe Phù Đổng các cấp, Em yêu chú bộ đội,

1.6. Đẩy mạnh công xã hội hóa giáo dục

Tuyên truyền, vận động về chủ trương xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực để tạo sự chuyển biến tích cực của các cấp, các ngành và nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về ý nghĩa tầm quan trọng của việc đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xây dựng trường chuẩn quốc gia để nâng cao chất lượng giáo dục.

Tôn trọng và thu hút được gia đình, cộng đồng địa phương tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường bằng hình thức vận động sự ủng hộ về chủ trương huy động nguồn lực, xã hội hóa giáo dục, thông qua:

- Các cuộc làm việc với cấp ủy, chính quyền địa phương;
- Các phương tiện thông tin, truyền thông;
- Các cuộc họp phụ huynh lớp, trường; các cựu học sinh trường.

2. Xác định chuẩn đầu ra của Chương trình giáo dục nhà trường

2.1. Môi trường bên trong

*** Điểm mạnh**

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nghệ An; Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các ban ngành, đoàn thể phường Vinh Lộc;

Đa số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường tích cực, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao và tâm huyết với nghề. Nhiều giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng. Phụ huynh quan tâm đầu tư cho con cái học hành. Học sinh ngoan, có ý thức học tập. Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng khang trang sạch sẽ, sân trường rộng đảm bảo cho việc dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.

*** Điểm yếu và những thách thức**

Theo định mức tiết dạy (1,39) theo quy định năm học 2025 – 2026, nhà trường còn thiếu 4 giáo viên để đáp ứng đủ nhu cầu dạy học của chương trình.

Lực lượng giáo viên trẻ nhiều, kinh nghiệm giảng dạy chưa cao.

Nguồn ngân sách để chi cho việc mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất, và trả lương cho hợp đồng thỉnh giảng, chi thường xuyên quá hạn hẹp vì hoạt động 2 cơ sở nên ảnh hưởng đến một số hoạt động chung của nhà trường.

2.2. Môi trường bên ngoài.

Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nghệ An; Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các ban ngành, đoàn thể phường Vinh Lộc, tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhà trường đã tạo được uy tín trong phụ huynh, chất lượng giáo dục đạt hiệu quả cao giúp nhà trường có cơ hội và thuận lợi trong việc học tập và vận dụng những kinh nghiệm để phát triển các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Cơ chế, chính sách pháp luật ngày càng hoàn thiện tạo điều kiện cho trường chủ động thực hiện kế hoạch và hoàn thành nhiệm vụ.

Cơ sở vật chất ngày càng được củng cố đồng bộ và hiện đại, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Công nghệ thông tin và các công nghệ khác không ngừng phát triển với các phần mềm tiện ích hỗ trợ cho việc quản lý và dạy học ngày càng tốt hơn.

Khó khăn

Trước những đổi mới của ngành giáo dục từ nội dung, phương pháp dạy học đến việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, và những yêu cầu cao của xã hội nói chung và của bậc CMHS nói riêng về hiệu quả chất lượng giảng dạy của nhà trường;

Giáo viên tham gia đổi mới phương pháp dạy học chưa thật mạnh mẽ, ứng dụng công nghệ thông tin chưa linh hoạt. Tay nghề của đội ngũ giáo viên, nhân viên chưa đồng đều, một số giáo viên trẻ mới ra trường kinh nghiệm chưa nhiều trong giảng dạy và giáo dục.

Tác động của tệ nạn xã hội và nguy cơ xâm nhập học đường gây nhiều khó khăn cho việc giáo dục đạo đức học sinh của nhà trường. Dư luận mạng xã hội phản ánh nhiều vấn đề về giáo dục khiến phụ huynh hoang mang ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý phụ huynh.

Vấn đề toàn cầu hóa và xã hội ngày càng phát triển dẫn đến yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đòi hỏi nhà trường phải đổi mới toàn diện nhằm đáp ứng nhu cầu của CMHS và xã hội ngày càng cao, nhất là đối với CSVC trường lớp.

(Phụ lục 1 kèm theo)

2.3. Xây dựng chuẩn đầu ra

(Kèm theo phụ lục 2).

3. Đảm bảo các yếu tố đầu vào

3.1. Xây dựng chiến lược ĐBCL giáo dục của nhà trường

Trong điều kiện kinh tế đang phát triển, nước ta đã chú trọng và tăng cường đầu tư cho giáo dục với mong muốn giáo dục nước ta thực sự đủ sức gia nhập cùng nền giáo dục thế giới.

Những năm gần đây, chúng ta đã xây thêm rất nhiều ngôi trường, đầu tư nhiều trang thiết bị phục vụ cho giáo dục, mở cửa với giáo dục nước ngoài (nhiều trường Quốc tế được thành lập trên khắp cả nước, ở tất cả các bậc học). Giáo dục quốc dân cũng không còn độc quyền như trước nữa, thêm vào đó là nhiều loại hình giáo dục mới: dân lập, liên kết với nước ngoài... Và đặc biệt, chúng ta đang đầu tư nguồn lực lớn chuẩn bị tốt các điều kiện thực hiện Chương trình GD phổ thông mới.

Trước tình hình giáo dục Việt Nam như trên, Trường Tiểu học Hưng Lộc nhận thấy nhiều cơ hội để phát triển và cũng không ít thách thức, do đó việc thực hiện đổi mới giáo dục cũng như cách thức quản lý là vấn đề cấp thiết. Để thực hiện được nhiệm vụ này, cần xây dựng một bản kế hoạch chiến lược đúng đắn.

Đây là sự khẳng định về chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường trong những năm vừa qua, đồng thời cũng là tiền đề quan trọng để nhà trường xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn sau, với mục tiêu tiếp tục củng cố vững chắc tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phấn đấu, đã và sẽ trở thành một địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh học sinh cũng như nhân dân trên địa bàn phường, tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia .

Xây dựng Kế hoạch ĐBCL giáo dục của nhà trường nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách hoạt động của Ban Giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch ĐBCL giáo dục của nhà trường là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết của chính phủ về đổi mới giáo dục phổ thông. Cùng các trường TH trong phường xây dựng ngành giáo dục phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, hội nhập với các nước khu vực và quốc tế.

*** Sứ mệnh**

Xây dựng trường Tiểu học Hưng Lộc có môi trường giáo dục đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và được phát triển theo khả năng, năng lực tư duy cá nhân, thích ứng với yêu cầu đổi mới của xã hội của đất nước .

*** Tầm nhìn**

Đến năm 2030, trường Tiểu học Hưng Lộc là một môi trường giáo dục lành mạnh, giáo viên và học sinh có khát vọng vươn tới thành tích cao, hoàn thiện về trí tuệ và nhân cách. Trường giữ vững danh hiệu trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3.

*** Giá trị cốt lõi**

- Đoàn kết thân ái, khát vọng vươn lên
- Phát huy tính chủ động sáng tạo
- Trung thực thẳng thắn, biết ứng xử thông minh trong các tình huống,
- Khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, biết vượt khó trong học tập
- Giáo dục trong mọi hoàn cảnh

Biết vượt khó trong học tập, phát huy tính chủ động sáng tạo, trung thực thẳng thắn, biết ứng xử thông minh trong các tình huống, đoàn kết thân ái, khát vọng vươn lên, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần.

Đề Chiến lược ĐBCL của nhà trường có chiều sâu, nhà trường cần thực hiện tốt các vấn đề sau:

a. Đánh giá thực trạng của nhà trường

* Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Tổng số	Trong đó					Trình độ đào tạo			
		BC	Hợp đồng			Th.sĩ	ĐH	CĐ	Khác	
			Tổng số	HD KXD TH	Th.g					HD CXD TH
Cán bộ quản lý	03	03					03			
TPT đội	01	01					01			
Giáo viên	62	58	04		04	2	60			
Nhân viên	03	02	1	1			03			
Bảo vệ, lao công, phục vụ BT	22		22	0		22	0		22	
Tổng cộng:	91	64	29	1	04	22	2	67	0	22

Trong đó về cán bộ quản lý và giáo viên:

* Về trình độ đào tạo:

- Thạc sĩ: 2/69 đ/c
- Đại học: 67/69 đ/c. Đạt trên chuẩn 100%

* Trình độ chính trị:

- Trung cấp chính trị: 03 đ/c; Sơ cấp: 40 đ/c

* Giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố: 42 đ/c (Tính theo các chu kì thi giáo viên dạy giỏi TP từ các năm trước).

* Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp Thành phố: 8 đ/c (Tính theo các chu kì thi giáo viên CN giỏi TP từ các năm trước).

* Giáo viên giỏi cấp Tỉnh: 7 đ/c (Tính theo các chu kì thi giáo viên dạy giỏi Tỉnh từ các năm trước).

* Giáo viên CN giỏi cấp Tỉnh: 1 đ/c. (Tính theo các chu kì thi giáo viên CN giỏi Tỉnh từ các năm trước).

* *Học sinh:*

<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Chia ra</i>				
		<i>Lớp 1</i>	<i>Lớp 2</i>	<i>Lớp 3</i>	<i>Lớp 4</i>	<i>Lớp 5</i>
Tổng số lớp	45	10	8	10	8	9
Tổng số học sinh	1874	422	317	421	326	388
Số học sinh bán trú	1671	405	298	380	281	307
Số học sinh học Ngoại ngữ	1874	422	317	421	326	388
Số học sinh học Tin học	1874	422	317	421	326	388
Số học sinh KT học hòa nhập	9	0	1	3	3	2

- Tổng số lớp: 45 lớp (lớp bán trú: 45 lớp; lớp 9 buổi/tuần: 45 lớp).

- Tổng số HS: em.

- HS nghèo, hoàn cảnh khó khăn: 67em.

- Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập: 9 em (Hộ nghèo).

* *Về cơ sở vật chất:*

- Cơ sở 1:

+ Phòng học: 26 phòng

+ Các phòng chức năng: 1 phòng tin học; 1 phòng nghệ thuật, 1 phòng Tiếng Anh, 1 phòng học STEM; 1 phòng đọc; 1 phòng thiết bị, 1 nhà đa năng.

+ Dãy hiệu bộ: 1 phòng HT; 1 phòng PHT; 1 phòng y tế; 1 phòng Đội + truyền thống; 1 phòng kế toán + tài vụ; 1 phòng hội đồng; 1 phòng bảo vệ; 2 nhà xe.

- Cơ sở 2:

+ Phòng học: 19 phòng

+ Các phòng chức năng: 1 phòng Tin học; 1 phòng ngoại ngữ; 1 phòng STEM; 1 thư viện + phòng đọc.

+ Dây hiệu bộ: 1 phòng HT; 1 phòng PHT; 1 phòng Đội; 1 phòng truyền thống; 1 phòng kế toán; 1 phòng văn thư + Y tế; 1 phòng hội đồng; 1 phòng bảo vệ.

- Cơ sở vật chất cả hai cơ sở có đầy đủ, đảm bảo thực hiện hoạt động bán trú và các chương trình tăng cường của nhà trường.

Tuy nhiên cơ sở 2 còn thiếu Nhà đa năng, thiếu nhà để xe cho giáo viên, học sinh và một số hạng mục khác (nằm ở giai đoạn 2).

-Thiết bị dạy học

Các phòng học trong nhà trường đã trang bị được 43/43 phòng học có thiết bị hiện đại (máy chiếu, ti vi), 1 máy chiếu, 1 bảng tương tác dùng chung phục vụ cho việc dạy và học, tăng cường tốt ứng dụng CNTT vào dạy và học;

Ở cơ sở 1, phòng thiết bị đang sử dụng chung với phòng thư viện, không gian chật nên việc mua sắm, bổ sung, trưng bày phần nào gặp nhiều khó khăn.

Điểm mạnh

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo; cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương; sự phối kết hợp, hỗ trợ của các cơ quan, đoàn thể, các tổ chức xã hội đóng trên địa bàn phường Vinh Lộc.

- BGH đoàn kết, tâm huyết, nỗ lực trong công tác quản lý, chỉ đạo các phong trào thi đua trong nhà trường.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đủ về số lượng, tương đối đảm bảo về chất lượng, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, yên tâm công tác, nhiệt tình đáp ứng tốt yêu cầu dạy và học tích cực tham gia các phong trào thi đua trong nhà trường.

- Phụ huynh học sinh quan tâm chăm lo đến việc học tập của con em mình, thường xuyên kết hợp chặt chẽ với nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục; cùng với nhà trường thực hiện tốt cuộc vận động tài trợ giáo dục. Đa số học sinh ngoan ngoãn, chăm học, có ý thức vươn lên trong học tập, rèn luyện, tu dưỡng.

- Hiện nay trường có khuôn viên nhà trường rộng, thoáng mát, có sân chơi cho học sinh khang trang, sạch đẹp, thân thiện.

Điểm yếu

- Công tác vận động tài trợ giáo dục còn nhiều khó khăn.

- Các phòng học ở cơ sở 1 diện tích hẹp, cơ sở vật chất xây dựng lâu năm đã xuống cấp, thiếu sự đồng bộ. Cơ sở 2 mới xây nên trang thiết bị còn thiếu nhiều hạng mục.

- Đội ngũ GV tuy đã đạt chuẩn song chất lượng chưa thật đồng đều. Một số GV trình độ ứng dụng CNTT trong giảng dạy còn hạn chế, ý thức tự học, tự bồi dưỡng chưa cao.

- Một số phụ huynh có hoàn cảnh, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy việc huy động tài trợ giáo dục tăng cường CSVC phục vụ cho hoạt động dạy và học cũng gặp nhiều khó khăn

- Trường TH Hưng Lộc là một trường có phần đông các hộ gia đình là thuần nông, có một bộ phận phụ huynh lao động tự do. Hoàn cảnh của nhiều học sinh còn gặp khó khăn, số gia đình HS thuộc diện hộ nghèo trong xã chiếm tỉ lệ khá cao, nhiều gia đình điều kiện chăm sóc, quan tâm việc học của con cái còn hạn chế.

- Các hoạt động của trường diễn ra song song ở 2 cơ sở nên cũng có những vướng mắc nhất định.

3.2. Thời cơ, thách thức của nhà trường

*** Thời cơ**

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của UBND phường Vinh Lộc, sở giáo dục và đào tạo tỉnh Nghệ An, ban đại diện CMHS, tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Cơ chế, chính sách pháp luật ngày càng hoàn thiện tạo điều kiện cho trường chủ động thực hiện kế hoạch và hoàn thành nhiệm vụ.

Đội ngũ giáo viên có trình độ tay nghề đồng đều, có nhiều giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh, cấp thành phố. Tinh thần trách nhiệm, lòng tâm huyết với nghề của hầu hết cán bộ giáo viên rất cao, đều phấn đấu vì mục tiêu: “Tất cả vì học sinh thân yêu”.

Công nghệ thông tin và các công nghệ khác không ngừng phát triển với các phần mềm tiện ích hỗ trợ cho việc quản lý và dạy học ngày càng tốt hơn.

*** Thách thức**

Tác động của tệ nạn xã hội và nguy cơ xâm nhập học đường gây nhiều khó khăn cho việc giáo dục đạo đức học sinh của nhà trường.

Một số trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các trường lân cận như trường Tiểu học Hưng Dũng 1,2; HHTập 2 có chất lượng giáo dục khá cao, thu hút học sinh, là thách thức nhà trường trong việc nâng cao chất lượng dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

Sự phân hóa về đời sống trong xã hội và khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm gia đình học sinh có chiều hướng gia tăng; phụ huynh do dành thời gian nhiều cho cuộc sống mưu sinh đã làm tăng thêm tình trạng bất cập trong việc nhận thức đúng đắn về quan điểm kết hợp giáo dục giữa các môi trường giáo dục: nhà trường - gia đình - xã hội.

Trước những đổi mới của ngành giáo dục về giáo dục từ nội dung, phương pháp dạy học đến việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, và những yêu cầu cao của xã hội nói chung và của bậc CMHS nói riêng về hiệu quả chất lượng giảng dạy của nhà trường; đã làm cho tập thể sư phạm phải có nhiều băn khoăn và trăn trở trong việc nghiên cứu đầu tư để đổi mới trong quản lý cũng như việc nâng cao chất lượng giáo dục.

Vấn đề toàn cầu hóa và xã hội ngày càng phát triển dẫn đến yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đòi hỏi nhà trường phải đổi mới toàn diện nhằm đáp ứng nhu cầu của CMHS và xã hội ngày càng cao, nhất là đối với CSVC trường lớp.

Cơ sở vật chất của nhà trường chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của nhà trường, mâu thuẫn giữa việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và điều kiện hoạt động thường xuyên xuất hiện. Trình độ nhận thức giáo dục học sinh của CMHS không đồng đều, đôi khi phát biểu thiếu văn hóa, lịch sự ảnh hưởng đến việc giáo dục học sinh. Dư luận mạng xã hội phản ánh nhiều vấn đề về giáo dục chưa đúng hoặc nói quá khiến phụ huynh hoang mang mất niềm tin.

Vẫn còn một bộ phận phụ huynh nhận thức về giáo dục chưa cao, còn mang tư tưởng giáo dục phải bao cấp hoàn toàn nên việc triển khai các khoản thu chi và vấn đề giáo dục học sinh còn nhiều thách thức.

Xu thế hội nhập quốc tế ngày càng cao, đòi hỏi khả năng giao tiếp ngoại ngữ, trong khi đó khả năng ngoại ngữ của giáo viên còn có nhiều bất cập. Đây là một trong những thách thức lớn với nhà trường.

Quan điểm cạnh tranh của nhà trường

Nhà trường luôn chăm lo bồi dưỡng đội ngũ, chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, dạy đến từng đối tượng học sinh. Đặc biệt, nhà trường phối hợp chặt chẽ với hội cha mẹ học sinh để động viên giúp đỡ những học sinh nghèo, học sinh gặp khó khăn trong học tập.

Đánh giá học sinh theo yêu cầu cần đạt (chuẩn KTKN) đảm bảo công bằng, khách quan, chính xác. Những học sinh chưa đạt, nhà trường giao cho giáo viên phối hợp với phụ huynh tổ chức ôn tập trong hè, đầu năm học mới tổ chức kiểm tra lại nghiêm túc.

Trở thành trường có chất lượng cao; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình; nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công. Khẳng định được thương hiệu, uy tín và hình ảnh của nhà trường “Là một cơ sở giáo dục có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng được yêu cầu của xã hội”, tiến tới bắt kịp các trường có chất lượng cao trong tỉnh và các phường lân cận.

3.3. Mục tiêu chương trình giáo dục của nhà trường

Mục tiêu chương trình giáo dục nhà trường nhằm đảm bảo mục tiêu chung của chương trình giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân,

tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ đó đảm bảo mục tiêu của giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh học tiếp cấp trung học cơ sở.

Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Chỉ tiêu cụ thể:

* Chất lượng giáo dục:

- 100% học sinh trong toàn trường được học 2 buổi/ngày, 9 buổi/tuần. 100% học sinh từ khối 1 đến khối 5 được học môn tự chọn Tin học. 100% học sinh lớp 1 đến lớp 5 được học môn tự chọn Tiếng Anh.

- 100% học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- 100% học sinh biết yêu thương đoàn kết, giúp đỡ bạn bè, biết chăm sóc môi trường xanh, sạch, đẹp và có các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- Đảm bảo thực hiện giáo dục hòa nhập cho 9 học sinh khuyết tật của trường. những học sinh còn gặp khó khăn trong học tập được hỗ trợ để đạt yêu cầu.

- Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt.

- Huy động trẻ 6 tuổi (sinh năm 2020) vào lớp 1: 100%

* Các phong trào, hoạt động giáo dục khác:

- Phổ cập: Phổ cập GDTHĐĐT đạt mức độ 3

- Thư viện: Xây dựng thư viện sân trường, thư viện lớp học thân thiện

*** Các Cuộc thi, Hội thi và giao lưu; phong trào thi đua và các cuộc vận động**

- Tham gia đầy đủ các cuộc thi và giao lưu do các cấp tổ chức;

- Tham gia tích cực các cuộc thi và giao lưu trên mạng;

- Phân đấu đạt giải trong các cuộc thi và giao lưu.

* **Chỉ tiêu cụ thể:**

TT	Tên các cuộc thi	Số lượng (HS)	Đạt giải			
			Cấp quốc gia	Cấp tỉnh	Cấp phường	Cấp trường
1	Tin học trẻ	2	0	1	2	2
2	Toán Tuổi thơ	10	0	1	1	10
3	Văn Tuổi thơ	10	0	1	1	10
4	Ngày hội STEM	20	0	0	12	20
5	Ngày hội tiếng Anh	4	0	0	2	4
6	Ngày hội Kỹ năng sống	17	0	0	3	17
7	Tiếng Anh trên truyền hình Nghệ An	1	0	1	0	0
8	Trạng nguyên tiếng Anh	2	0	2	2	2
9	Trạng nguyên toàn tài	90	0	5	10	90
10	Trạng nguyên tiếng Việt	250	1	30	70	250
11	Đấu trường Toán học	240	0	20	60	240
12	Toán SASMO	2	0	0	2	0
13	Toán ASMO	2	0	1	0	2
14	Toán Titan Việt Nam VTMO	2	0	1	0	2
15	Toán TIMO	50	50			180
16	Các cuộc thi và giao lưu khác	20	0	0	5	20
17	TOEFL PRIMARY	20	2	5	5	20
18	IOE	25	5	10	20	25

- 05 em đậu vào trường THCS Đặng Thai Mai.

3.4. Đảm bảo chất lượng tuyển sinh

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm phù hợp với điều kiện nhà trường; đã xây dựng quy chế tuyển sinh rõ ràng, công khai, minh bạch; đảm bảo dân chủ, công bằng trong tuyển sinh. Tuyển đúng yêu cầu, tiêu chuẩn, đủ số lượng, đề cao quyền được học của học sinh.

Phối hợp với các Trường mầm non trên địa bàn, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo kế hoạch, nắm bắt thông tin về các đối tượng tuyển sinh của trường, đặc biệt chú ý những đối tượng học sinh yếu thế (*khuyết tật, mồ côi, con hộ nghèo,..*). Nắm thông tin của Trường mầm non về kết quả đánh giá học sinh theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi ban hành theo Thông tư 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23/7/2010 của Bộ GDĐT.

Thực hiện phổ cập bắt buộc, Trường đã huy động hết trẻ 6 tuổi trên địa bàn vào học lớp 1. Thực hiện nguyên tắc bình đẳng, dân chủ khi tuyển sinh, xếp lớp học sinh.

Từ thông tin công tác tuyển sinh lớp 1, Hiệu trưởng đã nắm tình hình đặc điểm đối tượng học sinh chuẩn bị phương án bố trí các GV làm nhiệm vụ chủ nhiệm và dạy học các lớp khối 1.

3.5. Xây dựng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018

Xây dựng đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018: Hàng năm dự kiến đội ngũ giáo viên tham gia tập huấn CTGDPT 2018 và tham gia đứng lớp từ khối 1 đến khối 5.

Trên cơ sở đề án vị trí việc làm, Hiệu trưởng đã tham mưu cho Phòng GD&ĐT, Phòng Nội vụ bố trí GV nhà trường đủ về số lượng và, hợp lý về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, đạt chuẩn theo quy định để tổ chức dạy đầy đủ, dạy tốt các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định.

Xây dựng phương án bố trí nhân sự năm học, Hiệu trưởng tổ chức phân công lao động, bố trí nhiệm vụ phù hợp để phát huy năng lực, sở trường của từng GV.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ cho đội ngũ GV. Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động thực tiễn cho đội ngũ GV của nhà trường; có nhiệm vụ, mục tiêu bồi dưỡng cụ thể cho từng GV.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng GVĐG các cấp (*trường, cụm trường, tỉnh*). Trên cơ sở nỗ lực phấn đấu của cá nhân GV và sự bồi dưỡng của tổ, nhóm CM, nhà trường cần chú trọng tập trung nâng cao tỉ lệ GV dạy giỏi các cấp đáp ứng yêu cầu Tiêu chuẩn 2 trong Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Hiệu trưởng có kế hoạch cụ thể tạo điều kiện về vật chất và thời gian, tăng thu nhập và quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho GV. Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, tạo động lực phấn đấu trong đội ngũ GV.

Hiệu trưởng tham mưu UBND cấp thành phố (*qua Phòng GD&ĐT, Phòng Nội vụ*) tuyển dụng, tiếp nhận GV đạt chất lượng GV trên hết; trong tuyển dụng,

tiếp nhận GV đảm bảo cơ cấu, độ tuổi, có sự kế cận và đạt chuẩn về trình độ đào tạo.

Xây dựng đội ngũ GV định hướng theo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia với các tiêu chí định lượng cụ thể (tỷ lệ GV đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo, tỷ lệ GV xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp, số GVGD các cấp học...). Có chính sách khuyến khích, đãi ngộ, tôn vinh những GV tâm huyết với nghề, năng lực chuyên môn tốt.

* Kết quả chất lượng đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên:

- Giáo viên giỏi cấp Tỉnh: 2 đ/c
- Giáo viên giỏi cấp Thành phố: 06 đ/c
- Số giáo viên dạy giỏi cấp trường: 20 đ/c
- Sáng kiến kinh nghiệm Bậc 3 cấp thành phố: 13 bản.
- Lao động tiên tiến: 100%.

CSTĐ CCS: 15% /Tổng số LĐTĐ; GK CTUBND thành phố: 15%/ tổng số LĐTĐ.

Giáo viên xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học: Tốt: 31 ; Khá: 25.

Xếp loại công chức- viên chức: HTXS nhiệm vụ: 10; HTT nhiệm vụ: 50

Xếp loại BDTX: Giỏi: 36; Khá 20 ; TB: 0

Xếp loại quản lý: XS: 3 đ/c

Xếp loại nhân viên: Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 3 đ/c

Tỉ lệ GV biết sử dụng máy tính dạy học trực tuyến, xây dựng kế hoạch dạy học và sử dụng GADT: 100 %.

3.6. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chương trình nhà trường

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, chương trình nhà trường phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn của trường; chương trình tăng cường đáp ứng nhu cầu của học sinh, phụ huynh.

3.6.1. Thiết kế chương trình giáo dục

a) Căn cứ vào mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục, Nhà trường (*thông qua Tổ ĐBCL*) thiết kế các nội dung:

- Khung kế hoạch thời gian triển khai các môn học;
- Hoạt động giáo dục bắt buộc;
- Các môn học bắt buộc, các môn học tự chọn;

- Nội dung giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường để thực hiện chương trình giáo dục đã thiết lập được;

- Chương trình tăng cường đáp ứng nhu cầu học sinh, phụ huynh;

b) Tổ chuyên môn lập kế hoạch giáo dục theo năm học, bao gồm:

- Khung thời gian triển khai môn học;

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh;

- Quản lý hồ sơ chuyên môn của giáo viên, dự giờ và đánh giá giờ dạy;

- Xây dựng các ngân hàng câu hỏi, bài tập cho môn học;

- Hoạt động giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

- Tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chuyên môn và phát triển chương trình, phương pháp dạy học, giáo dục; đặc biệt cần lấy nghiên cứu bài học là hoạt động thường xuyên để phát triển nghề nghiệp.

c) Giáo viên lập kế hoạch giáo dục, bao gồm:

- Bài dạy (giáo án), theo dõi và đánh giá kết quả học sinh, sổ chủ nhiệm lớp.

- Xây dựng, biên soạn các tài liệu hướng dẫn dạy học, giáo dục các chuyên đề, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động giáo dục tự chọn dựa trên nhu cầu, đặc điểm địa phương để sử dụng chung trong trường.

3.6.2. Thực hiện chương trình giảng dạy linh hoạt và có hiệu quả

Nhà trường giao quyền chủ động cho tổ, nhóm chuyên môn và GV quyền chủ động thực hiện chương trình giảng dạy linh hoạt, phù hợp và có hiệu quả với các đối tượng học sinh, điều kiện thực tiễn nhà trường và địa phương.

3.7. Xây dựng, bồi dưỡng cán bộ quản lý

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm và tự trọng; có tầm nhìn, sáng tạo, năng lực tổ chức, quản trị nhà trường và tâm huyết với nghề; đạt chuẩn hiệu trưởng tối thiểu mức Khá theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng hoạt động thực tiễn đối với CBQL. Cán bộ quản lý học tập, rèn luyện phấn đấu đạt 4T: Tâm huyết, Trách nhiệm, Tầm nhìn, Tác phong chuyên nghiệp.

CBQL không ngừng phấn đấu để xếp loại đạt mức tốt theo Chuẩn hiệu trưởng.

3.8. Đảm bảo CSVC, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học

Cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học, giáo dục. Đảm bảo CSVC, đồ dùng, thiết bị dạy học là tiền đề đảm bảo chất lượng giáo dục.

Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng CSVC và trang thiết bị dạy học hiện có của nhà trường; căn cứ yêu cầu của hoạt động dạy học, giáo dục để xây dựng kế hoạch bổ sung, sửa chữa, mua sắm CSVC, trang thiết bị dạy học. Làm rõ danh mục bổ sung, sửa chữa, mua sắm trước mắt (*ngay trong năm học*) và dài hạn (*từ 3-5 năm*) để có kế hoạch bố trí kinh phí phù hợp.

Có kế hoạch vận động, huy động các nguồn lực theo hướng xã hội hóa để có kinh phí bổ sung, xây dựng, sửa chữa, cải tạo CSVC, trang thiết bị dạy học: sự đầu tư từ ngân sách nhà nước (*các chương trình, dự án thuộc ngân sách Trung ương, tỉnh, Thành phố, xã*); sự ủng hộ của các doanh nghiệp, các tổ chức, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước; sự ủng hộ của các thế hệ cựu học sinh, nhất là học sinh thành đạt; sự đóng góp của cha mẹ học sinh. Việc sử dụng kinh phí bảo đảm công khai, minh bạch để tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư đồng thời bảo đảm quy định pháp luật về quản lý tài chính, tài sản. Việc mua sắm, xây dựng CSVC, trang thiết bị tuân thủ các quy định hiện hành về mua sắm, đấu thầu, v.v.

Tổ chức khai thác, sử dụng CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy học đã được trang bị bảo đảm hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục. Khắc phục tình trạng lãng phí CSVC, trang thiết bị, không khai thác, sử dụng hoặc không khai thác hết tính năng thiết bị, CSVC hiện có. Có biện pháp quản lý để ngăn ngừa tình trạng GV ngại sử dụng thiết bị, nhất là các thiết bị công nghệ hiện đại. Gắn việc sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học với việc đánh giá xếp loại hàng năm của GV.

Thực hiện có nề nếp việc quản lý, đăng ký, kiểm kê, khấu hao, thanh lý CSVC, tài sản, trang thiết bị theo quy định. Tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng các phần mềm trong quản lý CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy học để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng, bảo quản CSVC, trang thiết bị. (*Phụ lục 11*).

3.9. Cam kết trách nhiệm

Giáo viên kí cam kết chất lượng môn học với Hiệu trưởng; Hiệu trưởng kí cam kết với Trưởng phòng GD&ĐT về chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đầu năm học nhà trường tổ chức cho GVCN kết hợp với GVNK ký cam kết chất lượng lớp mình với hiệu trưởng nhà trường. Căn cứ vào việc ký cam kết của các lớp, chất lượng đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường hiệu trưởng nhà trường ký cam kết đảm bảo chất lượng với Trưởng phòng GDĐT. (*Phụ lục 6*)

4. Đảm bảo chất lượng quá trình dạy học và giáo dục

4.1. Đảm bảo chất lượng dạy học của GV

Nhà trường, thông qua tổ, nhóm chuyên môn, chỉ đạo đội ngũ GV thực hiện nghiêm túc các yêu cầu, quy định để đảm bảo chất lượng dạy học. Cụ thể:

4.1.1. GV xây dựng và thực hiện chương trình môn học, lập kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch giảng dạy

Giáo viên xây dựng dự thảo kế hoạch dạy học môn học, thảo luận giữa các thành viên trong tổ, tổ chuyên môn hoàn thiện dự thảo trình Hiệu trưởng phê duyệt. Nhà trường giao quyền chủ động, linh hoạt cho GV trong việc xây dựng và thực hiện chương trình môn học, lập kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch giảng dạy phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thực hiện tốt mục tiêu, nội dung chương trình và kế hoạch dạy học;
- Chuẩn bị bài soạn đầy đủ, chuẩn bị lên lớp ĐBCL, đúng quy định về giảng dạy và giáo dục học sinh;
- Thực hiện nghiêm túc việc lên lớp;
- Đổi mới phương pháp dạy học theo tiến trình: Tiếp cận tri thức, khám phá, thực hành, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, dạy học “lấy học sinh làm trung tâm” và phát triển năng lực người học.
- Tổ chức dự giờ thăm lớp, SHCM theo hướng nghiên cứu bài học và phân tích tính sư phạm của bài học;
- Tổ chức kiểm tra - đánh giá kết quả việc học tập của học sinh;
- Quản lý tốt hồ sơ chuyên môn;
- Tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng với các nội dung, chuyên đề, môđul phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của cá nhân và kế hoạch của Trường đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

4.1.2. Giáo viên thiết kế bài giảng

Giáo viên chủ động linh hoạt khai thác các học liệu điện tử, ngữ liệu, ứng dụng CNTT,... để thiết kế bài giảng phù hợp với điều kiện thực tiễn và đối tượng học sinh, đảm bảo các yêu cầu:

- Lấy mục tiêu bài học, yêu cầu cần đạt của chương trình làm cơ sở để đánh giá kết quả học tập của học sinh sau mỗi tiết học;
- Chuẩn bị tốt đồ dùng dạy học, phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học;
- Chú trọng đổi mới kế hoạch bài dạy (*bài soạn*) theo hướng tổ chức các hoạt động của học sinh gồm: khám phá, trải nghiệm, thực hành, kết nối, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh.

Quá trình xây dựng các hoạt động của học sinh, giáo viên lưu ý:

- + Nhiệm vụ cần cụ thể rõ ràng, dễ hiểu
- + Hệ thống câu hỏi trọng tâm, đúng mục đích
- + Chú trọng xây dựng các hoạt động dạy học phù hợp, áp dụng các phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực.

4.1.3. Giáo viên tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bài giảng trên lớp

GV chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch bài giảng trên lớp để giúp học sinh học tập có hiệu quả. Việc thực hiện kế hoạch bài giảng trên lớp cần đảm bảo các yêu cầu:

- Việc đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo theo yêu cầu đề ra;
- Đảm bảo mục tiêu dạy học đề ra;
- Tính phù hợp của hình thức và phương pháp dạy học, chú trọng tăng cường tương tác giữa học sinh với học sinh, gắn liền với thực tiễn và tích hợp trong dạy học;
- Người hướng dẫn, tổ chức điều khiển hoạt động học của học sinh, lấy HS làm trung tâm;
- Sử dụng hiệu quả các đồ dùng, thiết bị, phương tiện dạy học cho hoạt động dạy học, để phát huy tính sáng tạo của học sinh;
- Tiến trình dạy học đi từ hiện trạng học sinh từng hoạt động của tiết học;
- Đánh giá được nguyên nhân chính của những khó khăn trong hoạt động dạy học;
- Tích cực tìm ra những giải pháp chủ yếu cần thực hiện để giúp học sinh tích cực tham gia học tập.

4.1.4. Thống nhất việc soạn bài của giáo viên với tổ chức dạy học trên lớp đúng quy định, theo quan điểm định hướng đổi mới giáo dục hiện nay của Bộ GDĐT

Tổ chuyên môn hướng dẫn GV để thống nhất việc soạn bài với tổ chức dạy học trên lớp đúng quy định, định hướng đổi mới của Bộ và Sở GD&ĐT. Khuyến khích GV sử dụng giáo án điện tử, các học liệu điện tử, ứng dụng CNTT,... để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học.

4.1.5. Tăng cường quản lý hoạt động của Tổ chuyên môn

Tổ trưởng là người trực tiếp ĐBCL công tác dạy học và giáo dục của Tổ và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng. Tổ trưởng xây dựng *kế hoạch, chương trình hoạt động* của tổ theo từng tuần, từng tháng; tăng cường các sinh hoạt, trao đổi chuyên môn về chuyên đề, chủ đề dạy học, những vấn đề mới, khó của Chương trình GDPT 2018; tìm các giải pháp có hiệu quả để nâng cao chất lượng hiệu quả

dạy học, giáo dục học sinh. Hình thức sinh hoạt chuyên môn cần linh hoạt, trong đó tăng cường sinh hoạt nghiên cứu bài học, xây dựng các chuyên đề, dự giờ, trao đổi, góp ý rút kinh nghiệm cho từng kiểu bài, môn học đặc thù riêng,...

Các GV có trách nhiệm ĐBCL trực tiếp về chuyên môn mà mình được phân công phụ trách.

4.1.6. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh làm tiền đề cho việc đổi mới phương pháp dạy học và ngược lại. Coi Dạy - Học - Kiểm tra, đánh giá là một quá trình thống nhất, là ba then chốt của quá trình sư phạm.

Chỉ đạo GV tăng cường đánh giá thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, thiếu sót của từng học sinh để giúp các em khắc phục kịp thời; phát hiện sự tiến bộ của học sinh để động viên, khuyến khích các em vươn lên trong học tập, rèn luyện.

Tổ chức nghiêm túc, khách quan, chặt chẽ việc đánh giá định kỳ để nắm được chất lượng học sinh cả lớp, cả khối và toàn trường. Tổ CM chịu trách nhiệm hướng dẫn GV xây dựng đề kiểm tra định kỳ phù hợp, tuân thủ quy trình xây dựng đề kiểm tra. Tổ chức kiểm tra định kỳ nghiêm túc, khách quan, loại bỏ các hành vi tiêu cực gian lận, bệnh thành tích trong việc kiểm tra, đánh giá học sinh.

Chuyên môn nhà trường sẽ khảo sát chất lượng xác suất một số khối lớp vào từng thời điểm cụ thể (do chuyên môn nhà trường ra đề, coi thi, chấm thi).

Thực hiện nghiêm túc việc bàn giao chất lượng giáo dục giữa các khối lớp dưới hình thức bài kiểm tra và có biên bản bàn giao kèm theo. Bàn giao HS lớp 5 cho THCS theo đúng hướng dẫn của Phòng GD&ĐT.

4.2. Đảm bảo chất lượng hoạt động học tập của học sinh

Giáo viên có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục. GV được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc tổ chức dạy học, về chất lượng giáo dục học sinh. Để đảm bảo chất lượng hoạt động học tập của học sinh, GV cần thực hiện tốt các yêu cầu sau:

4.2.1. Đảm bảo thực hiện tốt quản lý hoạt động học tập của học sinh

- Quản lý động cơ, thái độ học tập của học sinh

Giáo viên, đặc biệt GV chủ nhiệm, có trách nhiệm giáo dục, theo dõi, quản lý tinh thần, động cơ, thái độ học tập của học sinh; hình thành cho học sinh động cơ, thái độ học tập đúng đắn, trung thực, kiên quyết loại bỏ các biểu hiện gian lận trong học tập của học sinh. Xây dựng phong trào thi đua học tập tốt cho học sinh.

- Quản lý phương pháp học tập ở trường cũng như ở nhà của học sinh

GV có trách nhiệm hướng dẫn cho học sinh phương pháp học tập khoa học, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lứa tuổi, đặc thù môn học. Đồng thời GV có trách nhiệm quản lý, theo dõi phương pháp học tập của học sinh ở trường cũng như ở nhà; phối hợp với CMHS kịp thời uốn nắn khi học sinh học tập không đúng phương pháp.

- Hình thành cho học sinh phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng tự học

Bằng các biện pháp linh hoạt, sáng tạo, GV hình thành cho học sinh phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng tự học, bồi dưỡng thói quen, ý chí tự học thông qua việc tổ chức giờ học và hướng dẫn của GV.

Thông qua việc tăng cường tương tác giữa học sinh với học sinh để góp phần hình thành các kỹ năng hoạt động nhóm, phối hợp, kỹ năng giao tiếp, mạnh dạn tự tin, khuyến khích học sinh bày tỏ quan điểm, chính kiến của bản thân.

- Xây dựng nền nếp, thái độ học tập cho học sinh

Ngay từ đầu năm học, GV chủ nhiệm, GV bộ môn có trách nhiệm xây dựng và duy trì nền nếp học tập nghiêm túc, thái độ học tập tích cực, đúng đắn cho tất cả học sinh trong lớp. Phối hợp với các tổ chức trong Trường kiểm tra việc thực hiện nền nếp, ý thức thái độ học tập của học sinh; phấn đấu 100% học sinh tự giác thực hiện nền nếp và có ý thức, thái độ học tập tốt.

4.2.2. Quản lý thời gian học tập của học sinh

GV chủ nhiệm phối hợp GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội thực hiện tốt quản lý thời gian học tập của học sinh, gồm:

- Thời gian dạy - học: tiết học, bài học, chủ đề, giữa kì, học kì, môn học, ... theo thời khóa biểu;

- Tổ chức hoạt động học tập, vui chơi giải trí phù hợp.

Việc quản lý thời gian học tập của học sinh phải đảm bảo yêu cầu khoa học, hợp lý, tránh gây áp lực căng thẳng đối với học sinh.

4.2.3. Đánh giá, phân tích kết quả học tập của học sinh đảm bảo sát thực, đúng chất lượng học tập của từng học sinh

Cuối học kỳ, cuối năm học, GV chủ nhiệm phối hợp GV bộ môn tiến hành đánh giá, phân tích kết quả học tập của học sinh trong lớp đảm bảo yêu cầu thực chất, khách quan, công bằng; cần làm rõ những ưu điểm nổi bật, những hạn chế, tồn tại để tìm biện pháp phù hợp trong thời gian tới để ĐBCL tiến bộ, bền vững.

4.2.4. Nghiên cứu dự trù những phương án dự phòng để giải quyết thỏa đáng nhiệm vụ học tập của từng đối tượng học sinh theo thời gian của tiết học, đồng thời quán triệt quan điểm dạy học theo đối tượng

GV chủ nhiệm phối hợp GV bộ môn chủ động xây dựng các phương án dự phòng để giải quyết thỏa đáng nhiệm vụ học tập theo thời gian của tiết học với

từng đối tượng học sinh: học sinh có khó khăn trong học tập, học sinh đại trà, học sinh có năng khiếu, tư chất tốt, thậm chí cả với học sinh khuyết tật (*nếu có*), thực hiện có hiệu quả quan điểm dạy học theo đối tượng, sát đối tượng nhằm ĐBCL cho từng đối tượng học sinh.

4.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

4.3.1. Thực hiện đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá trên cơ sở đánh giá kết quả học tập của học sinh, bao gồm:

- Quản lý đánh giá thể hiện qua xếp loại, duy trì và phát triển chuẩn chất lượng

Qua kết quả đánh, giá, xếp loại chất lượng giáo dục, nhà trường chỉ đạo GV thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc đánh giá thường xuyên nhằm thúc đẩy chất lượng học tập của học sinh; thực hiện đúng cam kết đã ký với Hiệu trưởng nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục được duy trì và có sự phát triển bền vững. GVCN mỗi lớp tự chủ trong lớp mình, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của lớp trước mọi Hiệu trưởng nhà trường.

- Kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy học

Dù đã giao quyền chủ động cho GV trong việc tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về về chất lượng học sinh nhưng qua kết quả học tập của học sinh, Hiệu trưởng tăng cường kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy học của trường, của từng khối lớp, từng giáo viên để thực hiện mục tiêu ĐBCL bền vững và có sự tăng trưởng.

- Giáo dục và phát triển người học: nêu gương trong hoạt động GD học sinh, thường xuyên động viên khuyến khích HS để học sinh có động cơ, nghị lực để học tập. Khuyến khích tự học, học tập những điểm tốt ở bạn để hoàn thiện nhân cách và kiến thức cho bản thân. Đặc biệt với HS lớp 1,2 giáo viên cần gần gũi chia sẻ động viên các em dù là những biểu hiện nhỏ nhất của sự tiến bộ.

Từ việc đánh giá kết quả học tập của học sinh, GV chủ nhiệm phối hợp GV bộ môn, TPT Đội đề có các biện pháp tác động đồng bộ, thống nhất, nhằm giáo dục và phát triển học sinh, chú trọng động viên, khuyến khích các em trau dồi động cơ, thái độ học tập đúng đắn, tăng cường phát triển năng lực tự học, góp phần ĐBCL bền vững, tiến bộ không ngừng.

4.3.2. Công tác kiểm tra đánh giá cần được đổi mới một cách cơ bản, đảm bảo tính khách quan, khoa học, tính quá trình và phù hợp chuẩn

Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần được đổi mới mạnh mẽ, triệt để, loại bỏ suy nghĩ, thói quen đánh giá học sinh theo lối cũ. Việc kiểm tra, đánh giá cần thực hiện bài bản, đảm bảo tính khách quan, khoa học, tuân thủ đúng quy trình, phù hợp chuẩn; khắc phục có hiệu quả những biểu hiện chủ quan, duy ý chí, thiếu khách quan, trung thực, vì lợi ích cá nhân, vv trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Đối với khối 1,2,3,4,5 đánh giá theo TT 27;

4.3.3. Thực hiện đánh giá quá trình, kiểm tra.

Quá trình, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh thường xuyên, liên tục, diễn ra trong tiết học, trong từng hoạt động của tiết học để nhằm theo dõi việc nắm bắt kiến thức của học sinh so với yêu cầu đặt ra; đánh giá thông qua các sản phẩm học tập, các dự án học tập, các hoạt động vận dụng kiến thức của học sinh vào thực tiễn.

5. Đảm bảo yếu tố đầu ra

5.1. Thực hiện đánh giá, xếp loại GV theo quy định

5.1.1 Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá GV theo Chuẩn nghề nghiệp

Trường tổ chức đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp bảo đảm nghiêm túc, công bằng, khách quan, đúng quy định. Trường tổ chức để GV tự đánh giá theo chu kỳ một năm một lần vào cuối năm học. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá GV theo chu kỳ hai năm một lần vào cuối năm học. Trong trường hợp đặc biệt, được sự đồng ý của Phòng GD&ĐT, nhà trường rút ngắn chu kỳ đánh giá giáo viên cho phù hợp với tình hình của đơn vị.

Việc đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp thực hiện theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT. Hồ sơ đánh giá, xếp loại GV đúng quy định, lưu giữ đầy đủ, khoa học.

5.1.2. Đánh giá chất lượng giờ dạy của GV thông qua kết quả đánh giá giờ dạy

Chỉ đạo tổ chuyên môn đánh giá giờ dạy của GV bảo đảm chính xác, khách quan, công bằng. Chú ý cả đối tượng GV trẻ, GV cao tuổi, GV cốt cán, GV còn hạn chế năng lực để giúp GV học hỏi lẫn nhau, phát huy ưu điểm, mặt mạnh, khắc phục hạn chế, tồn tại trong dạy học; đổi mới PPDH, nâng cao năng lực, hiệu quả dạy học. Chuyên môn thường xuyên tham gia dự giờ thăm lớp để giúp đỡ GV trong hoạt động chuyên môn. Nhắc nhở GV dự giờ đồng nghiệp để học hỏi nâng cao tay nghề của mình.

5.1.3. Tổ chức hội giảng trong nhà trường để đánh giá kết quả thi giáo viên dạy giỏi

Nhà trường tổ chức hội giảng để tạo phong trào thi đua trong giảng dạy của GV; tổ chức hội thi GVĐG cấp trường để phát hiện nhân tố điển hình, bồi dưỡng dự thi GVĐG cấp thành phố, cấp tỉnh; góp phần nâng cao năng lực dạy học của GV. Khuyến khích giáo viên tham gia các hội thi để ngày càng hoàn thiện bản thân.

5.1.4. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất việc thực hiện quy chế chuyên môn, kiểm tra toàn diện hồ sơ sổ sách của GV

Chủ động, linh hoạt phối hợp các lực lượng như: Tổ CM, Ban Thanh tra nhân dân, Lãnh đạo Trường, ..Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế

chuyên môn, hồ sơ, sổ sách của GV, kể cả hồ sơ điện tử ,.. góp phần xây dựng nền nếp làm việc nghiêm túc, có chất lượng, hiệu quả của đội ngũ GV. Thường xuyên kiểm tra đột xuất kết hợp kiểm tra thường kì nắm bắt những thiếu sót các loại hồ sơ để nhắc nhở,, điều chỉnh giúp GV hoàn thiện hồ sơ của mình theo quy định.

5.1.5. Đánh giá tiết học trên lớp (theo *Phiếu đánh giá tiết học – Phiếu dự giờ*), qua các lĩnh vực: kiến thức, kĩ năng sư phạm, thái độ sư phạm, hiệu quả tiết học

Chỉ đạo tổ CM thực hiện đánh giá tiết học trên lớp theo 4 tiêu chí nói trên, giúp GV thấy được mặt mạnh, ưu điểm, mặt tồn tại, hạn chế của bản thân, chỉ ra hạn chế trong việc học tập của học sinh để GV có sự điều chỉnh kịp thời, phù hợp

5.1.6. Đánh giá năng lực của GV thông qua kết quả học tập tiến bộ của học sinh so với kì trước, năm học trước

Nhà trường tổ chức phân tích, đối sánh kết quả học tập của học sinh so với học kỳ trước, năm học trước để thấy được sự chuyển biến, tiến bộ về kết quả học tập của học sinh, từ đó làm cơ sở đánh giá năng lực và cố gắng của GV trong dạy học.

Đầu năm nhà trường tiến hành kiểm định chất lượng đầu vào, bàn giao cho GVCN. Qua các đợt kiểm tra định kì cũng như kiểm định chất lượng cuối năm để so sánh đối chiếu để đánh giá hiệu quả giảng dạy cũng như sự tiến bộ hay giảm sút của học sinh để đưa ra những giải pháp cụ thể và thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục.

5.2. Đánh giá chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh

Đánh giá chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh thực hiện đúng các quy định về đánh giá học sinh theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* *Đối với học sinh lớp 1; 2; 3; 4,5:* Thực hiện theo Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Tổ chức đánh giá kết quả học tập của học sinh toàn trường theo từng kì và đối sánh với kết quả kì trước đảm bảo thực chất, chính xác thông qua các đề thi trong ma trận đề thi các môn, các khối quy định.

Chuyên môn cần chủ động sát sao trong hoạt động. Định hướng cách ra đề theo ma trận cho từng kì. Hướng dẫn GV cách ra đề, cấu trúc đề thi cũng như mạch kiến thức cho từng giáo đoạn, kì học.

Thông qua kì thi GV đánh giá tổng hợp, đánh giá được điểm mạnh, điểm cần bổ sung cho học sinh từ đó có kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo cho phù hợp với từng đối tượng học sinh.

5.2.1. Đánh giá sự hình thành và phát triển của học sinh (gồm 5 phẩm chất và 10 năng lực); mức độ học sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của lớp trên và cấp học THCS

Tổ chức đánh giá học sinh theo từng khối lớp học. Đánh giá cụ thể học sinh về 5 phẩm chất (*yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*) và 10 năng lực gồm 3 năng lực chung (*năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*); 7 năng lực chuyên môn (*ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất*).

Trên cơ sở đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh, cần phân tích khả năng đáp ứng của học sinh sau khi hoàn thành CT tiểu học vào THCS học theo Chương trình GDPT 2018; đặc biệt chú ý những khóa học sinh lớp 5 học Chương trình GDPT cấp tiểu học theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT. Từ đó chỉ đạo Tổ CM khối 5 có những điều chỉnh cần thiết, tiếp cận chương trình mới, kịp thời trong dạy học nhằm giúp học sinh vững vàng, tự tin vào học THCS.

5.2.2. Kết quả đánh giá định kỳ đối với học sinh

- Đánh giá định kỳ đối với từng môn học, hoạt động giáo dục: tỉ lệ xếp loại Hoàn thành tốt, Hoàn thành, và Chưa hoàn thành.

- Đánh giá định kỳ về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực: tỉ lệ xếp loại tốt, Đạt và Cần cố gắng.

5.2.3. Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chưa hoàn thành chương trình lớp học

- Tổ chức kiểm tra và đánh giá đúng quy định. Kết hợp đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ và đặc biệt là đánh giá cuối năm để tổng hợp kết quả trình hiệu trưởng tổ chức xét hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh lớp 5 và hoàn thành lớp học cho các khối lớp 1,2,3,4,5.

- Có kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo cho học sinh chưa hoàn thành trong hè để các em ôn tập rèn luyện thi và xét hoàn thành trong dịp hè.

Khối Lớp	Tổng số HS	Số HS KT	Số HS HTCTLH	Tỷ lệ	Số HS CHTCTLH	Tỷ lệ	Ghi chú
1	315	3	310	98,4	5	1,6	
2	411	3	399	97,1	12	2,9	
3	318	2	306	96,2	12	3,8	
4	392	2	390	99,5	2	0,5	
5	284	4	284	100	0	0,0	
Tổng	1720	14	1689	98,2	31	1,8	

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 97,97%; chưa hoàn thành chương trình lớp học: 2,03 % (20 em)

- Tỷ lệ học sinh lên lớp sau KT lại sau hè: 99,65%; Ở lại: 0,35 % (6 em).

5.2.4. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học

- Đảm bảo số lượng học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi

- Phân đầu 100% học sinh HTCTTT, không có học sinh lưu ban.

- Bàn giao hồ sơ chất lượng học sinh đúng thời hạn, đầy đủ.

5.2.5. Kết quả học sinh tham gia các hội thi, các sân chơi trí tuệ,... các cấp trường, thành phố, tỉnh, quốc gia và quốc tế

- Khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi trí tuệ.

- Thành lập các câu lạc bộ như: CLB Toán học, CLB Tiếng Việt, CLB Tiếng Anh...Tạo sân chơi bổ ích cho học sinh.

- Hướng dẫn, bồi dưỡng cho học sinh tham gia các sân chơi do cấp trên tổ chức như: Toán tuổi thơ, Olympic Toán học, Trạng Nguyên Tiếng Việt, Trạng nguyên Toàn Tài,...

- Học sinh thi đấu ĐTM: 05 em.

- Kết quả tham gia các sân chơi:

+ Sân chơi **English Challenge** do Đài Phát thanh - Truyền hình Nghệ An tổ chức: 5 em tham gia, đạt giải: 1 em.

+ Các sân chơi do báo Nhi Đồng tổ chức: Trạng Nguyên nhỏ tuổi, Nét chữ nét người, Trạng nguyên Tiếng Anh: Mỗi sân chơi có ít nhất 2 em cấp Tỉnh, 2 em cấp Quốc gia.

+ Các cuộc thi Tiếng Anh Quốc tế, Toán Tiếng Anh Quốc tế: có 4 – 5 học sinh tham gia.

+ Trạng nguyên toàn tài cấp thành phố: 25 em; Trạng nguyên TV cấp Phường: 60 em; cấp Tỉnh: 30 em; Cấp Quốc gia: 15 em.

5.2.6. Kết quả điểm kiểm tra định kỳ cuối năm và trung bình chung các môn, đối sánh với các trường khác trong thành phố.

Tổ đảm bảo chất lượng đánh giá kết quả học tập của học sinh toàn trường theo từng kì và đối sánh với kết quả kì trước đảm bảo thực chất, chính xác thông qua các đề thi trong ma trận đề thi các môn, các khối quy định bao gồm:

a. Kết quả xếp loại học lực (theo quy định): Tỷ lệ xếp loại HTCTLH, loại CHTCTLH.

Khối Lớp	Tổng số HS	Số HS KT	Số HS HTCTLH	Tỷ lệ	Số HS CHTCTLH	Tỷ lệ	Ghi chú
----------	------------	----------	--------------	-------	---------------	-------	---------

1	315	3	310	98,4	5	1,6	
2	411	3	399	97,1	12	2,9	
3	318	2	306	96,2	12	3,8	
4	392	2	390	99,5	2	0,5	
5	284	4	284	100	0	0,0	
Tổng	1720	14	1689	98,2	31	1,8	

b. Kết quả xếp loại năng lực, phẩm chất (theo quy định):

* Đối với khối 1,2, 3,4,5 theo thông tư 27. (phụ lục 06 kèm theo)

c. Tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm, bỏ học, lưu ban.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 98,85%; chưa hoàn thành chương trình lớp học: 1,8 % (31 em)

- Tỷ lệ học sinh lên lớp sau KT lại sau hè: 99,5%; Ở lại: 0,5 % (8 em).

5.3. Đảm bảo lợi ích của xã hội

Lợi ích của xã hội, được đánh giá thể hiện qua các nội dung sau:

5.3.1. Khảo sát mức độ hài lòng của CMHS về quá trình dạy học, giáo dục của nhà trường

Trong các kì họp CMHS toàn trường, nhà trường thực hiện dùng phiếu khảo sát mức độ hài lòng của CMHS về quá trình dạy học, giáo dục của GV chủ nhiệm và các GV bộ môn theo ba mức: chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao. Đây là kênh thông tin tham khảo quan trọng để nhà trường có biện pháp phát huy mặt tốt cũng như hạn chế mặt yếu, điều chỉnh, cải tiến kịp thời trong thời gian tới.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của CMHS chỉ có tính chất tham khảo, không lấy kết quả này để xếp loại GV.

Có bảng tổng hợp kết quả khảo sát cho từng khối lớp học.

5.3.2. Khảo sát mức độ hài lòng của GV tiếp nhận học sinh tiếp tục học lên ở lớp sau

Vào đầu năm học, Trường thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của GV chủ nhiệm và các GV bộ môn về chất lượng học sinh của lớp theo ba mức độ: chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao; hướng tới văn hóa chất lượng nhà trường và cũng là kênh tham khảo để đánh giá chất lượng dạy học của GV năm học trước. (Phụ lục 14)

Việc khảo sát mức độ hài lòng của GV về chất lượng của học sinh (khảo sát GV khối 2 về chất lượng học sinh khối 1, GV khối 3 đối với học sinh khối 2, GV khối 4 đối với học sinh khối 3, GV khối 5 đối với học sinh khối 4) chỉ có tính chất tham khảo để Trường có sự chỉ đạo, điều chỉnh phù hợp đối với hoạt động dạy học, giáo dục của GV; kết quả khảo sát không thay thế việc đánh giá, xếp loại học sinh đã thực hiện ở năm học trước.

Có bảng tổng hợp kết quả khảo sát cho từng khối lớp học.

5.3.3. Nhà trường chỉ đạo GV chú trọng trong các tiết học vận dụng kiến thức vào cuộc sống, các hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm sáng tạo, hoạt động hướng nghiệp, lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm,... để học sinh sớm hình thành các năng lực: giao tiếp và hợp tác; tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo,... để đáp ứng yêu cầu công việc.

Ngoài các tiết học, Trường chú trọng phối hợp CMHS, các chuyên gia, người có uy tín, vv tổ chức các hoạt động chuyên đề, ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm,... để qua đó hình thành các năng lực chung cho học sinh.

Tổ chức khảo sát mức độ hình thành các năng lực nói trên theo từng khối lớp; có bảng kết quả cụ thể.

5.4. Tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ cho học sinh

5.4.1. Nhà trường tư vấn cho học sinh xét tuyển (*hoặc thi tuyển*) vào trường THCS phù hợp với năng lực và điều kiện cụ thể của từng em, thông qua: hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần,...

Thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục THCS, nhà trường tư vấn cho học sinh lớp 5 vào học trường THCS tại địa bàn để bảo đảm thuận lợi cho việc đi lại, học tập. Riêng đối với học sinh có năng lực, kết quả học tập tốt, nhà trường tư vấn cho các em dự tuyển vào các trường THCS Đặng Thai Mai thành phố Vinh để có môi trường học tập phù hợp, giúp các em phát huy tốt năng lực, sở trường cá nhân. Những em có năng khiếu nghệ thuật nổi trội (*âm nhạc, múa,...*), Trường tư vấn, tạo điều kiện cho các em vào học trường năng khiếu nghệ thuật (*Trường Múa, Trường Âm nhạc, vv*).

5.4.2. Nhà trường tuyên truyền, thông báo tới học sinh về thông tin tuyển sinh của các trường THCS trọng điểm, chất lượng cao, trường năng khiếu nghệ thuật... thông qua: chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, phát tờ rơi thông tin tuyển sinh,...

Nhà trường cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của trường năng khiếu nghệ thuật, trường THCS trọng điểm, chất lượng cao trên địa bàn để học sinh cân nhắc, lựa chọn; có định hướng phân đầu để thực hiện mục tiêu đã lựa chọn.

5.4.3. Nhà trường phối hợp với Tổ tuyển sinh của trường năng khiếu nghệ thuật, trường THCS trọng điểm, chất lượng cao tổ chức các chương trình tư vấn cho học sinh bằng nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn như: ngày hội tư vấn tuyển sinh, cắm nang tư vấn tuyển sinh,..vv.

Hoạt động tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ học sinh tổ chức trong cả năm học để học sinh có thông tin, có định hướng nhưng thường tập trung vào tháng 4, tháng 5 để giúp học sinh có lựa chọn cụ thể.

5.5. Thu thập thông tin phản hồi từ các trường THCS về học sinh sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học

- Nhà trường phối hợp với trường THCS Hưng Lộc và một số trường trọng điểm có HS theo học để nắm bắt tình hình học sinh, những phản hồi tích cực cũng như tiêu cực về học sinh của trường mình để có hướng phát huy cũng như khắc phục cho phù hợp.

- Thường xuyên nắm bắt thông tin 2 chiều để đưa ra các giải pháp hữu hiệu nhằm đưa chất lượng hiệu quả giáo dục ngày một nâng cao.

5.5.1. Nhà trường thống kê số lượng học sinh sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học vào học các trường THCS trên địa bàn

Trường tổ chức thống kê, tổng hợp số lượng học sinh sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học vào học các trường THCS trên địa bàn, thông qua việc điều tra phổ cập tận hộ gia đình, qua GV chủ nhiệm, qua các kênh thông tin khác, vv.

Thu thập số liệu, đối chứng và so sánh để xác định hướng đi cho đối tượng học sinh năng khiếu cho các năm học sau. Là cơ sở tiền đề là động lực thúc đẩy hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường.

5.5.2. Tổ chức thu thập thông tin về chất lượng học sinh sau khi vào học các trường THCS trên địa bàn

Trường chủ động phối hợp với các trường THCS có học sinh trường mình vào học để thu thập thông tin về chất lượng học sinh để có cơ sở điều chỉnh kế hoạch, biện pháp chỉ đạo các hoạt động chung của nhà trường cũng như hoạt động dạy học cho những năm tiếp theo.

Việc nắm thông tin có thể qua các hình thức: phỏng vấn trực tiếp, lấy ý kiến đánh giá qua phiếu,..vv đối với cán bộ quản lý, GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội các trường THCS về phẩm chất, năng lực, những điểm mạnh nổi bật, những tồn tại, hạn chế, vv. Cần phân tích khả năng đáp ứng của học sinh sau khi hoàn thành CT tiểu học vào THCS ở một số môn học cụ thể (*môn tiếng Việt - Ngữ Văn, môn Toán, môn Tiếng Anh, môn Tin học....*).

Việc thu thập thông tin phản hồi từ các trường THCS về sau khi hoàn thành Chương trình tiểu học hoàn thành trong tháng 9, tháng 10 hàng năm để Trường kịp điều chỉnh kế hoạch, biện pháp chỉ đạo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các bộ phận, thành viên trong trường, quản trị các hoạt động, đảm bảo các điều kiện để thực hiện thành công kế hoạch ĐBCL năm học, thực hiện đúng cam kết ĐBCL với Trường phòng GD&ĐT.

2. Phó Hiệu trưởng

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, công việc được Hiệu trưởng phân công, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch ĐBCL năm học của Trường.

2. Tổ chuyên môn

Tổ chức, hướng dẫn các thành viên thực hiện tốt các nhiệm vụ ĐBCL được giao của Tổ, thực hiện tốt các mục tiêu ĐBCL của nhà trường, hỗ trợ GV thực hiện đúng cam kết ĐBCL đã ký với Hiệu trưởng.

4. Tổng phụ trách Đội

Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ ĐBCL thuộc trách nhiệm của Liên đội, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch ĐBCL nhà trường.

5. Công đoàn:

Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ ĐBCL thuộc trách nhiệm của Công đoàn, góp phần thực hiện thành công Kế hoạch ĐBCL nhà trường.

6. Giáo viên

Chủ động, sáng tạo thực hiện nhiệm vụ ĐBCL của môn, lớp phụ trách; thực hiện đúng cam kết ĐBCL đã ký với Hiệu trưởng.

7. Nhân viên

Hoàn thành nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch ĐBCL năm học của Trường; đảm bảo các điều kiện để thực hiện hiệu quả các mục tiêu ĐBCL.

8. Các thành viên Tổ đảm bảo chất lượng

Thực hiện tốt các nhiệm vụ được Tổ trưởng phân công, phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác trong tổ và các tổ chức, cá nhân trong trường để thực hiện hiệu quả Kế hoạch ĐBCL năm học của Trường.

Phân công các thành viên thực hiện nhiệm vụ giám sát theo dõi việc thực hiện Kế hoạch ĐBCL. Phân các công thành viên thực hiện về nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng các biện pháp, giải pháp điều chỉnh quản lý quá trình để nhằm thực hiện kế hoạch ĐBCL, bảo đảm yêu cầu Chuẩn đầu ra. (có danh sách kèm theo)

Nơi nhận:

- Đảng ủy, UBND xã (chỉ đạo);
- Ban đại diện CMHS(phối hợp);
- Tổ trưởng chuyên môn; GV (t/h)
- Lưu: hồ sơ, VT./.



Nguyễn Thị Thanh Hiền